

Số: 253 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần B.O.O nước Thủ Đức

Thực hiện Quyết định số 394/QĐ-TTr ngày 24/9/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 05/10/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần B.O.O nước Thủ Đức; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 21/10/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần B.O.O nước Thủ Đức (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Đơn vị sở hữu: không.
- Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp: số 479 Xa lộ Hà Nội, khu phố 16, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ văn phòng hoạt động: số 479 Xa lộ Hà Nội, khu phố 16, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303597508 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/8/2024.
- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu: khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.
- Số điện thoại giao dịch: 028.37224672 Fax: không.
- Số tài khoản 161239289 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
- Chi nhánh Chợ Lớn.
- Tổng số chi nhánh/đơn vị hoạch toán phụ thuộc: không.
- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 48 người.
- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động theo quy định.
- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

(Chữ ký)

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Việc tuyển dụng lao động: doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng bằng việc đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.
- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

a) Giao kết hợp đồng lao động (*số liệu tính tại thời điểm thanh tra*)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 48 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 48 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 42 người.
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 06 người.
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
 - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

Hợp đồng lao động giao kết giữa doanh nghiệp và người lao động đầy đủ nội dung theo quy định.

b) Việc thực hiện chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc (*từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra*)

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra: 05 người, trong đó không có trường hợp đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ 01 lần/năm, trước ngày bắt đầu tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 05 ngày làm việc, các bên chưa gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại. Chưa tổ chức đối thoại khi có vụ việc (khi xây dựng thang lương, bảng lương).

- Doanh nghiệp đã tổ chức thương lượng tập thể và ký kết TULĐTT. Hồ sơ thương lượng tập thể chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại; không lưu biên bản thương lượng tập thể. TULĐTT có nội dung không đúng quy định, cụ thể: điểm a khoản 5 Điều 15 quy

định: “trường hợp do nhu cầu công việc mà người sử dụng lao động không thể bố trí cho người lao động được nghỉ phép năm theo lịch đã thông báo và thỏa thuận với người lao động làm việc vào ngày nghỉ hàng năm: Công ty sẽ trả tiền lương (tính theo lương thực lĩnh) cho những ngày phép năm chưa nghỉ cho người lao động”.

- Đã gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.960.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất: 10.246.000 đồng/tháng, cao nhất: 61.950.000 đồng/tháng.

- Phương pháp trả lương: trả qua tài khoản. Người sử dụng lao động chi trả chi phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (theo tháng).

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm cho người lao động.

- Đã trả đủ tiền lương ngày nghỉ có hưởng lương cho người lao động.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động; việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không.

- Tiền ăn giữa ca: 1.950.000 đồng/người/tháng.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thực hiện thời giờ làm việc: đối với bộ phận hành chính không quá 08 giờ/ngày, 40 giờ/tuần; đối với bộ phận làm việc theo ca không quá 48 giờ/tuần.

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không quá số giờ quy định.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ hằng tuần, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Phòng Lao động
- Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức. Nội quy lao động chưa quy định trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động.
- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: không phát sinh.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không.
- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 12 người.
- Việc thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ:
 - + Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.
 - + Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.
 - + Chưa hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ đang nuôi con nhỏ (từ 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra, doanh nghiệp có 01 trường hợp lao động nữ nuôi con nhỏ).
 - + Đã đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.
- Tổng số người lao động cao tuổi: 01 người (Nguyễn Thị Thanh Chi).
- Việc thỏa thuận rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian đối với người lao động cao tuổi: không.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 05 người, đã ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên và trả phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên.

- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Đã bố trí 01 người làm công tác y tế.
- Doanh nghiệp đang sử dụng 72 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (61 bình chịu áp lực, 01 xe nâng hàng, 02 pa lăng điện, 04 cầu trục, 04 chai chứa khí nén) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đạt yêu cầu và còn thời hạn.
- Doanh nghiệp đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và người lao động. Sổ theo dõi người thuộc nhóm 4 được huấn luyện, sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện không có chữ ký của người lao động.
- Doanh nghiệp đã trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.
- Số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra: 0 vụ.
- Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động hằng năm. Năm 2023 có 02/58 mẫu không đạt tiêu chuẩn; năm 2024 có 03/59 mẫu không đạt tiêu chuẩn.
- Đã bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại vượt giới hạn cho phép mức 13.000 đồng/người/ca làm việc.
- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- Doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe cho người lao động 06 tháng một lần, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 48 người. Số người không thuộc đối tượng tham gia: 0 người.
- Số người đã tham gia: 48 người (bao gồm 01 người lao động cao tuổi chưa đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí); số người chưa tham gia: 0 người.
- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là mức lương ghi trên hợp đồng lao động, các loại phụ cấp.
- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đến hết tháng 9/2024. Số tiền chậm đóng tại thời điểm thanh tra: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Đã thực hiện các báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động và công tác an toàn, vệ sinh lao động.

h

- 1.2. Không thu phí tuyển dụng lao động.
- 1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- 1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.
- 1.5. Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.
- 1.6. Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.
- 1.7. Đã trả đủ tiền lương cho người lao động theo quy định.
- 1.8. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động.
- 1.9. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- 1.10. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động theo quy định.
- 1.11. Đã thực hiện một số quy định riêng đối với lao động nữ.
- 1.12. Tại doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.
- 1.13. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.
- 1.14. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- 1.15. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- 1.16. Đã bố trí người làm công tác y tế.
- 1.17. Đã kiểm định các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- 1.18. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và người lao động.
- 1.19. Đã trang cấp các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- 1.20. Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động.
- 1.21. Đã tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại vượt giới hạn cho phép.
- 1.22. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.
- 1.23. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% số người thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội đến tháng 9/2024.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại ít nhất 05 ngày làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Chưa tổ chức đối thoại khi xây dựng thang lương, bảng lương theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 Bộ luật Lao động.

2.3. Hồ sơ thương lượng tập thể:

- Chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Lao động.

- Không có biên bản cuộc họp thương lượng tập thể theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Điểm a khoản 5 Điều 15 TULĐTT quy định: “trường hợp do nhu cầu công việc mà người sử dụng lao động không thể bố trí cho người lao động được nghỉ phép năm theo lịch đã thông báo và thỏa thuận với người lao động làm việc vào ngày nghỉ hàng năm: Công ty sẽ trả tiền lương (tính theo lương thực lĩnh) cho những ngày phép năm chưa nghỉ cho người lao động” là không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động.

2.5. Nội quy lao động chưa quy định trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động theo quy định tại điểm 3 khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.6. Chưa hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ đang nuôi con nhỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.7. Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện không có chữ ký của người lao động theo mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; sổ theo dõi người thuộc nhóm 4 được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động không có chữ ký của người lao động theo mẫu 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.8. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục ngay sai phạm số 2.6, 2.7, 2.8;
- Khắc phục sai phạm số 2.1, 2.2, 2.3 khi phát sinh;
- Khắc phục sai phạm số 2.4, 2.5 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký ban hành Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 2 Đinh Lễ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/11/2024./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn